

UBND TỈNH SƠN LA

Biểu số 50/CK-NSNN

**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ****PHỤ BIỂU CÔNG KHAI****QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021****NGÀNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ***(Kèm theo Quyết định số 230/QĐ-KHCN ngày 30/9/2022 của Sở KH&CN)**Đơn vị tính: Đồng*

	<b>Nội dung</b>	<b>Số liệu báo cáo quyết toán</b>	<b>Số liệu quyết toán được duyệt</b>
<b>A</b>	<b>Quyết toán thu phí, lệ phí và nguồn khác</b>		
<b>1</b>	<b>Thu phí, lệ phí</b>		
	<b>Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ</b>		
	- Tổng số thu năm 2021 chuyển sang 2022. Trong đó:	170.011.700	170.011.700
	+ <i>Kinh phí chi cải cách tiền lương:</i>	122.568.000	122.568.000
	+ <i>Kinh phí chi hoạt động:</i>	47.443.700	47.443.700
	- Tổng số thu trong năm 2021:	70.750.000	70.750.000
	+ <i>Số phải nộp NSNN:</i>	12.707.500	12.707.500
	+ <i>Số phí được khấu trừ để lại :</i>	58.042.500	58.042.500
	- Số kinh phí được sử dụng:	228.054.200	228.054.200
	+ <i>Trích 40% cải cách tiền lương:</i>	32.201.600	32.201.600
	+ <i>Các khoản chi hoạt động khác:</i>	195.852.600	195.852.600
	- Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán:	32.201.600	32.201.600
	+ <i>Kinh phí chi cải cách tiền lương:</i>	0	0

	+ <i>Kinh phí chi hoạt động:</i>	32.201.600	32.201.600
	- Số kinh phí chấp nhận quyết toán:	32.201.600	32.201.600
	+ <i>Kinh phí chi cải cách tiền lương:</i>	0	0
	+ <i>Kinh phí chi hoạt động:</i>	32.201.600	32.201.600
	- Số kinh phí chuyển sang năm sau:	145.785.000	145.785.000
	+ <i>Kinh phí chi cải cách tiền lương:</i>	50.067.600	50.067.600
	+ <i>Kinh phí chi hoạt động:</i>	145.785.000	145.785.000
<b>2</b>	<b>Thu khác (Thu tuyên truyền các đề tài dự án)</b>		
	<b>Trung tâm Thông tin và Ứng dụng KHCN</b>		
-	Tổng kinh phí năm trước chuyển sang:	172.855.800	172.855.800
-	Tổng số kinh phí thu trong năm:	172.000.000	172.000.000
	+ <i>Số phải nộp NSNN:</i>	0	0
	+ <i>Số phí được khấu trừ để lại :</i>	172.000.000	172.000.000
-	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm:	344.855.800	344.855.800
-	Tổng số kinh phí sử dụng đề nghị quyết toán:	260.256.000	260.256.000
-	Số kinh phí chấp nhận quyết toán:	260.256.000	260.256.000
-	Số kinh phí chuyển sang năm 2022:	84.599.800	84.599.800
<b>B</b>	<b>Quyết toán chi ngân sách nhà nước</b>		
<b>I</b>	<b>Kinh phí hoạt động tự chủ/thường xuyên:</b>		
-	Tổng số kinh phí năm 2020 chuyển sang:	207.638.800	207.638.800
-	Tổng số kinh phí được giao trong năm:	8.568.638.800	8.568.638.800

-	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm:	8.494.726.300	8.494.726.300
-	Tổng số kinh phí thực nhận trong năm	8.494.726.300	8.494.726.300
-	Tổng số kinh phí đề nghị quyết toán	8.494.726.300	8.494.726.300
-	Tổng số kinh phí được chấp nhận quyết toán	8.494.726.300	8.494.726.300
-	Kinh phí còn lại:	73.912.500	73.912.500
	<i>Trong đó:</i>		
	+ <i>Kinh phí hết nhiệm vụ chi ( hủy dự toán):</i>	3.520.000	3.520.000
	+ <i>Kinh phí hết nhiệm vụ chi thu hồi tại Quyết định số 3251/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh</i>	70.392.500	70.392.500
<b>1</b>	<b>Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ (Chương 417-LK 341)</b>		
<b>a</b>	<b>Kinh phí thực hiện tự chủ</b>		
-	Tổng số kinh phí năm trước chuyển sang	3.220.680.000	3.220.680.000
-	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm	3.220.680.000	3.220.680.000
-	Tổng số được sử dụng trong năm:	3.220.560.000	3.220.560.000
-	Tổng số kinh phí đề nghị quyết toán:	3.220.560.000	3.220.560.000
-	Tổng số kinh phí được chấp nhận quyết toán:	3.220.560.000	3.220.560.000
<b>2</b>	<b>Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (Chương 417 loại khoản 341)</b>		
<b>2.1</b>	<b>Kinh phí thực hiện tự chủ</b>		
-	Tổng số kinh phí được giao trong năm:	1.990.557.000	1.990.557.000
-	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm:	1.920.164.500	1.920.164.500
-	Tổng số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán:	1.920.164.500	1.920.164.500

-	Tổng số kinh phí chấp nhận quyết toán:	1.920.164.500	1.920.164.500
-	Kinh phí thu hồi nộp NSNN do chi sai chế độ:	1.920.164.500	1.920.164.500
-	Kinh phí còn lại: <i>Kinh phí hết nhiệm vụ chi thu hồi tại Quyết định số 3251/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh</i>	70.392.500	70.392.500
<b>3</b>	<b>Trung tâm Thông tin và Ứng dụng KHCN</b>		
	<b>Kinh phí hoạt động thường xuyên Chương 417 loại khoản 332</b>		
-	Tổng số kinh phí năm 2020 chuyển nguồn sang ( <i>Công văn số 876/STC-QLNS ngày 19/3/2021 của Sở Tài chính</i> )	207.638.800	207.638.800
-	Tổng số kinh phí được giao trong năm:	2.599.763.000	2.599.763.000
-	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm:	2.807.401.800	2.807.401.800
-	Tổng số kinh phí thực nhận trong năm:	2.807.401.800	2.807.401.800
-	Tổng số kinh phí đề nghị quyết toán:	2.807.401.800	2.807.401.800
-	Tổng số kinh phí được chấp nhận phê duyệt quyết toán:	2.807.401.800	2.807.401.800
<b>4</b>	<b>Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng</b>		
	<b>Kinh phí không thường xuyên (Chương 417 loại khoản 338)</b>		
-	Tổng số kinh phí được giao trong năm:	550.000.000	550.000.000
-	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm:	550.000.000	550.000.000
-	Tổng số kinh phí thực nhận trong năm:	546.600.000	546.600.000
-	Tổng số kinh phí đề nghị quyết toán:	546.600.000	546.600.000
-	Tổng số kinh phí được chấp nhận quyết toán:	546.600.000	546.600.000
-	Tổng số kinh phí còn dư (hủy dự toán):	3.400.000	3.400.000

<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí chi sự nghiệp khoa học và Công nghệ (Chương 417-LK 101)</b>		
-	Tổng số kinh phí chuyển nguồn năm 2020 sang 2021:	13.057.411.100	13.057.411.100
<i>Chuyển nguồn năm 2020 sang năm 2021 tại Công văn số 876/STC-QLNS ngày 19/3/2021; Công văn số 932/STC-QLNS ngày 24/3/2021 của Sở Tài chính )</i>			
	+ Số dư tạm ứng:	5.858.651.400	5.858.651.400
	+ Số dư dự toán:	7.198.759.700	7.198.759.700
-	Tổng số kinh phí giao trong năm	19.668.844.000	19.668.844.000
	+ Kinh phí giao đầu năm:	22.840.000.000	22.840.000.000
	+ Dự toán bổ sung trong năm:	3.171.156.000	3.171.156.000
<i>(Quyết định số 3251/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh)</i>			
-	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm:	32.726.255.100	32.726.255.100
-	Tổng số kinh phí đề nghị phê duyệt quyết toán:	22.459.129.596	22.459.129.596
-	Tổng số kinh phí thẩm định quyết toán:	22.459.129.596	22.459.129.596
-	Tổng kinh phí còn lại chuyển nguồn sang năm 2022	8.330.299.504	8.330.299.504
<i>(Công văn số 860/STC-QLNS ngày 18/3/2022 của Sở Tài chính) trong đó:</i>			
	+ Dự dự toán:	7.209.853.276	7.209.853.276
	+ Số dư tạm ứng:	1.118.766.228	1.118.766.228
-	Kinh phí còn lại:	1.936.826.000	1.936.826.000
	+ Kinh phí còn phải nộp theo kết luận của Thanh tra (ĐT, DA hết nhiệm vụ chi):	584.746.400	584.746.400
	+ Kinh phí hết nhiệm vụ chi (hủy dự toán):	1.352.079.600	1.352.079.600
<b>1</b>	<b>Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ (Chương 417-LK 101)</b>		
-	Tổng kinh phí năm 2021 chuyển sang:	13.057.411.100	13.057.411.100

	+ Số dư tạm ứng:	5.858.651.400	5.858.651.400
	+ Số dư dự toán:	7.198.759.700	7.198.759.700
<i>Chuyển nguồn năm 2020 sang năm 2021 tại Công văn số 876/STC-QLNS ngày 19/3/2021; Công văn số 932/STC-QLNS ngày 24/3/2021 của Sở Tài chính )</i>			
-	Tổng số kinh phí giao trong năm	14.245.722.900	14.245.722.900
	<i>Trong đó: + Kinh phí giao đầu năm:</i>	22.840.000.000	14.245.722.900
	+ Kinh phí bổ sung trong năm:	8.594.277.100	8.594.277.100
<i>(Kinh phí điều chỉnh giảm tại Quyết định số 33/QĐ-SKHCN ngày 09/3/2021, số tiền 4.672.480.000 đồng; Quyết định số 165/QĐ-SKHCN ngày 12/8/2021, số tiền 1.231.092.000; Thu hồi tại Quyết định số 3251/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh, số tiền 2.733.080.300 đồng; Kinh phí bổ sung tại Quyết định số 3251/QĐ-UBND 29/12/2021 của UBND tỉnh, số tiền 42.365.200 đồng)</i>			
-	Tổng số được sử dụng trong năm:	27.303.134.000	27.303.134.000
-	Tổng số kinh phí đề nghị quyết toán:	19.378.740.846	19.378.740.846
-	Tổng số kinh phí được chấp nhận quyết toán:	19.378.740.846	19.378.740.846
-	Tổng kinh phí còn lại chuyển nguồn sang năm 2022 <i>(Công văn số 860/STC-QLNS ngày 18/3/2022 của Sở Tài chính)</i>	6.045.824.954	6.045.824.954
	<i>Trong đó: + Dự dự toán:</i>	4.927.058.726	4.927.058.726
	+ Số dư tạm ứng:	1.118.766.228	1.118.766.228
-	Kinh phí còn lại:	1.878.568.200	1.878.568.200
	+ Kinh phí còn phải nộp theo kết luận của Thanh tra (ĐT, DA hết nhiệm vụ chi):	584.746.400	584.746.400
	+ Kinh phí hết nhiệm vụ chi (hủy dự toán):	1.293.821.800	1.293.821.800
<b>2</b>	<b>Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (Chương 417-LK 101)</b>		
-	Tổng số kinh phí được giao trong năm:	3.263.842.000	3.263.842.000

<i>(Kinh phí điều chỉnh tăng tại Quyết định số 33/QĐ-SKHCN ngày 09/3/2021, số tiền 2.451.000.000 đồng; Quyết định số 165/QĐ-SKHCN ngày 12/8/2021, số tiền 812.842.000 đồng )</i>			
-	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm:	3.263.842.000	3.263.842.000
-	Tổng số kinh phí thực nhận trong năm:	1.098.785.450	1.098.785.450
-	Tổng số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán:	1.098.785.450	1.098.785.450
-	Tổng số kinh phí chấp nhận quyết toán:	1.098.785.450	1.098.785.450
-	Tổng kinh phí chuyển nguồn 2022 <i>(dự dự toán)</i>	2.613.376.550	2.613.376.550
-	Kinh phí còn lại <i>(hủy dự toán)</i> :	1.680.000	1.680.000
<b>3</b>	<b>Trung tâm Thông tin và Ứng dụng KHCN(Chương 417-LK 101)</b>		
-	Tổng số kinh phí được giao trong năm:	1.809.279.100	1.809.279.100
<i>(Kinh phí điều chỉnh tăng tại Quyết định số 33/QĐ-SKHCN ngày 09/3/2021, số tiền 2.221.480.000 đồng; Quyết định số 165/QĐ-SKHCN ngày 12/8/2021, số tiền 68.250.000 đồng; Thu hồi tại Quyết định số 3251/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh, số tiền 480.450.900 đồng )</i>			
-	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm:	1.809.279.100	1.809.279.100
-	Tổng số kinh phí thực nhận trong năm:	1.633.343.300	1.633.343.300
-	Tổng số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán:	1.633.343.300	1.633.343.300
-	Tổng số kinh phí chấp nhận quyết toán:	1.633.343.300	1.633.343.300
-	Tổng kinh phí chuyển nguồn 2022 <i>(dự dự toán)</i>	119.418.000	119.418.000
-	Kinh phí còn lại <i>(hủy dự toán)</i> :	56.517.800	56.517.800
<b>4</b>	<b>Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng(Chương 417-LK 101)</b>		
-	Tổng số kinh phí được giao trong năm:	350.000.000	350.000.000
<i>(Kinh phí điều chỉnh tăng tại Quyết định số 165/QĐ-SKHCN ngày 12/8/2021, số tiền 350.000.000 đồng)</i>			
-	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm:	350.000.000	350.000.000

-	Tổng số kinh phí thực nhận trong năm:	348.260.000	348.260.000
-	Tổng số kinh phí đề nghị quyết toán:	348.260.000	348.260.000
-	Tổng số kinh phí được chấp nhận quyết toán:	348.260.000	348.260.000
-	Tổng số kinh phí còn dư ( <i>hủy dự toán</i> ):	1.740.000	1.740.000